

**DANH MỤC MIỄN THỊ THỰC CỦA VIỆT NAM VỚI CÁC NƯỚC**  
**(Cập nhật đến 08/9/2025)**

**I. MIỄN THỊ THỰC SONG PHƯƠNG**

Việt Nam đã ký các Hiệp định, Thỏa thuận miễn thị thực với hơn 90 nước; có [03 Hiệp định chưa xác định hiệu lực](#) (với Bu-run-đi, Ê-ti-ô-pi-a, Nam-mi-bi-a).

**II. MIỄN THỊ THỰC CHO THÀNH VIÊN TỔ BAY**

Việt Nam miễn thị thực cho thành viên tổ bay của 18 nước/vùng lãnh thổ trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại.

**III. MIỄN THỊ THỰC ĐƠN PHƯƠNG**

1. Việt Nam đơn phương miễn thị thực cho công dân 12 nước là Liên bang Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc, Na Uy, Phần Lan, Đan Mạch, Thụy Điển, Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha, I-ta-li-a. Chính sách áp dụng từ ngày 15/3/2025 đến hết ngày 14/3/2028. (Thông tin chi tiết tại tài liệu III).
2. Việt Nam đơn phương miễn thị thực theo Chương trình kích cầu phát triển du lịch cho công dân 12 nước: Bỉ, Bulgaria, Croatia, Séc, Hungary, Luxembourg, Hà Lan, Ba Lan, Romania, Slovakia, Slovenia và Thụy Sĩ. (Thông tin chi tiết tại tài liệu III).
3. Việt Nam đơn phương miễn thị thực cho quan chức, viên chức Ban Thư ký ASEAN.
4. Việt Nam miễn thị thực cho người nước ngoài nhập cảnh từ nước ngoài vào Phú Quốc với thời hạn cư trú 30 ngày; áp dụng với cả trường hợp lưu tại khu vực quá cảnh ở một cửa khẩu quốc tế của Việt Nam (kể cả đường hàng không và đường biển), rồi đi tiếp đến đảo Phú Quốc.

## I. MIỀN THỊ THỰC SONG PHƯƠNG

*File văn bản Hiệp định tại link:*

<https://drive.google.com/drive/folders/1ZhZwTMSDiiNL9ofF5xMuTh6Xntw-YvYv?usp=sharing>

1. Ác-hen-ti-na (Argentina)
2. Ác-mê-ni-a (Armenia)
3. A-déc-bai-dan (Azerbaijan)
4. A-rập Ai-Cập (Egypt)
5. A-rập Thống Nhất (UAE)
6. An-ba-ni (Albani)
7. An-giê-ri (Algeria)
8. Ăng-gô-la (Angola)
9. Áp-ga-ni-xtan (Afganistan)
10. Ấn Độ (India)
11. Ba Lan (Poland)
12. Băng-la-đét (Bangladesh)
13. Bê-la-rút (Belarus)
14. Bờ Biển Ngà (Coote D'Ivoire)
15. Bô-li-vi-a (Bolivia)
16. Bốt-xoa-na (Botswana)
17. Bra-xin (Brazil)
18. Bru-nây (Bruney)
19. Bun-ga-ri (Bulgaria)
20. Cam-pu-chia (Cambodia)
21. Ca-đắc-xtan (Kazakhstan)
22. Ca-mơ-run (Cameroon)
23. Ca-ta (Qatar)
24. Chi-lê (Chile)
25. Cô-oét (Kuweit)
26. Cô-lôm-bi-a (Colombia)
27. Cô-xta Ri-ca (Costa Rica)
28. Crô-a-ti-a (Croatia)
29. Cu-ba (Cuba)
30. Đô-mi-ni-ca (Dominica)
31. Đô-mi-ni-ca Cộng đồng thịnh vượng (Commonwealth of Dominica)
32. Ê-cu-a-đo (Ecuador)
33. En Xan-va-đo (El Salvador)
34. Ê-xtô-ni-a (Estonia)
35. Hàn Quốc (South Korea)
36. Hung-ga-ri (Hungary)
37. Hy Lạp (Greece)
38. In-đô-nê-xi-a (Indonesia)
39. I-ran (Iran)
40. I-rắc (Iraq)
41. I-ta-li-a (Italy)
42. I-xra-en (Israel)
43. Ku-rư-gis-xtan (Kyrgyzstan)
44. Lào (Laos)
45. Li-be-ri-a (Liberia)
46. Lít-va (Lithuania)
47. Ma-lai-xi-a (Malaysia)
48. Man-ta (Malta)
49. Ma-rôc (Marocco)
50. Ma-xê-đô-ni-a (Macedonia)
51. Mê-hi-cô (Mexico)
52. Mi-an-ma (Myanmar)
53. Mô-dăm-bích (Mozambique)
54. Môn-đô-va (Moldova)
55. Mông Cổ (Mongolia)
56. Mông-tê-nê-grô (Montenegro)
57. Nam Phi (South Africa)
58. Liên bang Nga (Russia)
59. Nê-pan (Nepal)

60. Nhật Bản (Japan)

61. Ni-ca-ra-goạ (Nicaragua)

62. Ni-ge-ri-a (Nigeria)

63. Ô-man (Oman)

64. Pa-ki-stan (Pakistan)

65. Pa-na-ma (Panama)

66. Pa-ra-goay (Paraguay)

67. Pê-ru (Peru)

68. Pháp (France)

69. Phi-líp-pin (Philippines)

70. Ru-ma-ni (Romania)

71. Séc (Czech)

72. Séc-bia (Serbia)

73. Síp (Cyprus)

74. Sri Lan-ka (Sri Lanka)

75. Tan-da-ni-a (Tanzania)

76. Tây Ban Nha (Spain)

77. Thái Lan (Thailand)

78. Thổ Nhĩ Kỳ (Turkey)

79. Thụy Sĩ (Switzerland)

80. Ti-mo Lét-xtê (Timor Leste)

81. Triều Tiên (North Korea)

82. Trung Quốc (China)

83. Tuy-ni-đi (Tunisia)

84. U-crai-na (Ukraine)

85. U-gan-đa (Uganda)

86. U-ru-goay (Uruguay)

87. U-dơ-bê-ki-xtan (Uzbekistan)

88. Vê-nê-du-ê-la (Venezuela)

89. Xây-Sen (Seychelles)

90. Xinh-ga-po (Singapore)

91. Xlô-va-ki-a (Slovakia)

92. Xlô-ven-ni-a (Slovenia)

93. Xu-đăng (Sudan)

### Chữ viết tắt:

HCNG	hộ chiếu ngoại giao
HCCV	hộ chiếu công vụ
HCĐB	hộ chiếu đặc biệt
HCPT	hộ chiếu phổ thông
CQĐDNG	cơ quan đại diện ngoại giao
CQLS	cơ quan lãnh sự
TCQT	tổ chức quốc tế

- Miễn thị thực bao gồm việc miễn thị thực nhập cảnh, xuất cảnh và quá cảnh.
- Thời gian tạm trú miễn thị thực được tính từ ngày nhập cảnh.

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
1	Ác-hen-ti-na (Argentina)	<b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Ac-hen-ti-na về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ</b> (Hiệp định ký ngày 14/9/1999, có hiệu lực từ ngày 13/11/1999): <ul style="list-style-type: none"><li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày.</li><li>- Miễn thị thực cho thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú 60 ngày, trong thời gian đó họ phải hoàn tất các thủ tục cần thiết tại cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận. Qui định này không áp dụng đối với nhân viên phục vụ riêng.</li></ul>
2	Ác-mê-ni-a (Armenia)	<b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Ác-mê-ni-a về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ</b> (Hiệp định ký ngày 08/6/2012, có hiệu lực từ ngày 11/10/2012) <ul style="list-style-type: none"><li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian cư trú không quá 90 ngày.</li><li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh, những người này phải hoàn tất các thủ tục đăng ký cư trú tại cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại.</li></ul>
3	A-déc-bai-da n (Azerbaijan)	<b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước cộng hòa A-dec-bai-dan về miễn thị thực cho công dân mang hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ</b> (Hiệp định ký ngày 09/4/2010, có hiệu lực từ 21/8/2010):

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công dân Việt Nam và A-déc-bai-dan mang HCNG hoặc HCCV (service passport đối với A-déc-bai-dan) còn giá trị, cũng như thành viên gia đình họ trong độ tuổi vị thành niên và có tên ghi trong hộ chiếu của họ, được miễn thị thực với thời hạn cư trú không quá 01 tháng khi nhập cảnh, cư trú, xuất cảnh hoặc quá cảnh lãnh thổ của nước kia.</li> <li>- Công dân của nước này mang HCNG hoặc HCCV còn giá trị, sau khi nhập cảnh vào lãnh thổ nước kia với tư cách là thành viên CQĐDNG, CQLS và TCQT, cũng như thành viên gia đình chung sống cùng với họ, phải làm thủ tục đăng ký tại Bộ Ngoại giao của nước tiếp nhận.</li> </ul>
4	Ấn Độ	<p><b><i>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Ấn độ về điều kiện đi lại của công dân hai nước</i></b></p> <p><i>(Hiệp định ký ngày 07/9/1994, có hiệu lực từ ngày 23/3/1995):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gian hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS.</li> <li>- Thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và vợ hoặc chồng, con cùng sống với họ mang HCNG, HCCV, được cấp thị thực cư trú có giá trị trong suốt nhiệm kỳ công tác theo đề nghị bằng văn bản của CQĐDNG, CQLS.</li> <li>- Người mang HCPT thực hiện chuyến đi kinh doanh hoặc công vụ được các cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan lãnh sự của Bên kia cấp thị thực nhập cảnh, hoặc quá cảnh và xuất cảnh (nếu cần) tối đa trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ cần thiết theo luật và các quy định hiện hành của nước cấp thị thực, kể cả giấy mời của cơ quan, tổ chức nước này.</li> </ul>
5	An-ba-ni	<p><i>Hai Bên trao đổi công hàm ngày 29/9/1956, có hiệu lực từ 01/10/1956</i></p> <p>Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV và hộ chiếu tập thể đi công vụ (Phù hợp với quy định hiện hành, công dân An-ba-ni mang HCNG, HCCV được phép tạm trú miễn thị thực 30 ngày tại VN)</p>
6	Ăng-gô-la	<p><b><i>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Ăng-gô-la về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ</i></b></p> <p><i>(ký ngày 03/4/2008 tại Lu-an-đa, có hiệu lực từ ngày 08/6/2012)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian cư trú không quá 30 ngày cho mỗi lần nhập cảnh và có thể được gia hạn một lần với thời gian tương đương.</li> <li>- Công dân của mỗi Bên ký kết là thành viên CQĐDNG, CQLS đóng trên lãnh thổ của Bên ký kết kia cũng như thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV còn giá trị có quyền nhập cảnh, xuất cảnh, tạm trú miễn thị thực trên lãnh thổ của Bên ký kết kia trong suốt nhiệm kỳ công tác.</li> </ul>

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
7	An-giê-ri	<p><b><i>Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa An-giê-ri dân chủ và nhân dân về việc miễn thị thực cho công dân hai nước mang hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ</i></b></p> <p><i>(ký ngày 30/6/1994, có hiệu lực từ ngày 02/01/1995):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày; nếu muốn tạm trú quá 90 ngày họ phải làm các thủ tục cần thiết xin cấp thị thực tạm trú hoặc đăng ký cư trú theo quy định của nước sở tại.</li> <li>- Cấp thị thực tạm trú hoặc đăng ký cư trú miễn phí cho thành viên CQĐDNG, CQLS và thành viên gia đình sống chung một hộ với họ. Thời hạn thị thực có giá trị đến hết nhiệm kỳ công tác.</li> <li>- Cấp thị thực cho HCPT miễn phí.</li> </ul>
8	Áp-ga-ni-xtan	<p><b><i>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Á-p-ga-ni-xtan về việc miễn thị thực, hộ chiếu cho công dân hai nước</i></b></p> <p><i>(Hiệp định ký ngày 28/12/1987, có hiệu lực từ ngày 26/02/1988):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV.</li> <li>- Cơ quan có thẩm quyền của hai Bên thực hiện việc cấp thị thực, cấp giấy chứng nhận việc trình báo mất hộ chiếu không thu lệ phí.</li> </ul> <p><i>(Phù hợp với quy định hiện hành, công dân Á-p-ga-ni-xtan mang HCNG, HCCV được phép tạm trú miễn thị thực 30 ngày tại VN)</i></p>
9	A-rập Ai-Cập (Egypt)	<p><b><i>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa A-rập Ai Cập về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu đặc biệt và hộ chiếu công vụ</i></b></p> <p><i>Hiệp định ký ngày 18/8/2010, có hiệu lực từ ngày 08/8/2011)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- MTT cho người mang HCNG, HCĐB, HCCV còn giá trị với thời gian cư trú không quá 90 ngày.</li> <li>- Thành viên CQĐDNG, CQLS hoặc là đại diện của nước mình tại các TCQT mang HCNG, HCĐB, HCCV còn giá trị và trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh những người này sẽ được cấp thị thực hoặc giấy phép cư trú có giá trị trong suốt nhiệm kỳ công tác theo đề nghị của CQĐDNG, CQLS, TCQT liên quan. Quy định này cũng áp dụng đối với vợ/chồng, con của những người nói trên mang HCNG, HCĐB hoặc HCCV (kể cả trường hợp tên của trẻ em được ghi trong hộ chiếu của cha/mẹ)</li> </ul>
10	Ba Lan (Poland)	<p><b><i>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Ba lan về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao</i></b></p> <p><i>(Hiệp định ký ngày 06/7/2011, có hiệu lực ngày 14/3/2012)</i></p>

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực nhập cảnh, xuất cảnh và quá cảnh cho công dân hai nước mang HCNG còn giá trị do Bộ Ngoại giao cấp với thời gian cư trú không quá 90 ngày trong vòng 180 ngày kể từ ngày nhập cảnh đầu tiên.</li> <li>- Thành viên CQĐDNG, CQLS hoặc phái đoàn thường trực tại các TCQT đóng trên lãnh thổ Bên ký kết kia, và thành viên gia đình họ (vợ, chồng, con) sống cùng một hộ với những người này và mang HCNG, có quyền nhập cảnh lãnh thổ Bên ký kết kia và cư trú miễn thị thực trong suốt quá trình công tác. Bộ Ngoại giao nước cử phải thông báo cho cơ quan đại diện ngoại giao nước tiếp nhận về những người nói trên trước khi họ được bổ nhiệm.</li> </ul>
11	<b>Băng-la-đét</b> (Bangladesh)	<p><b><i>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước cộng hòa nhân dân Băng-la-đét về miễn thị thực ký ngày 11/5/1999, có hiệu lực từ ngày 10/7/1999:</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực với thời gian tạm trú tối đa 90 ngày cho: công dân Việt Nam mang HCNG, HCCV; công dân Băng-la-đét mang HCNG và HC đi nước ngoài có dấu “công vụ”. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS.</li> <li>- Miễn thị thực cho thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và vợ hoặc chồng, con dưới 18 tuổi của họ mang HCNG, HCCV (hoặc tên của con được ghi vào HC của cha mẹ) với thời gian tạm trú 90 ngày; việc nhập cảnh phải được thông báo trước qua đường ngoại giao. Trong thời hạn 90 ngày, những người này phải làm thủ tục cư trú cần thiết theo qui định của nước sở tại;</li> <li>- Con dưới 18 tuổi của thành viên CQĐDNG, CQLS mang HCPT được hưởng chế độ miễn thị thực như của cha, mẹ (với điều kiện có công hàm xác nhận của CQĐDNG, CQLS hoặc Bộ Ngoại giao nước mình).</li> <li>- Nhân viên phục vụ riêng của đại sứ, tham tán hoặc cấp tương đương của một Bên mang hộ chiếu phổ thông được phép nhập thị thực có giá trị nhiều lần và miễn phí tại cửa khẩu, với điều kiện CQĐD nước mà họ là công dân phải xin phép và được cơ quan quản lý xuất nhập cảnh nước sở tại đồng ý.</li> </ul>
12	<b>Bê-la-rút</b> (Belarus)	<p><b><i>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Belarus về việc đi lại lẫn nhau miễn thị thực vì việc công</i></b> <i>(Hiệp định ký ngày 25/10/1993, có hiệu lực từ ngày 24/11/1993):</i></p> <p>Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV. Trẻ em dưới 7 tuổi có thể được cấp hộ chiếu riêng hoặc ghi tên vào hộ chiếu của cha/mẹ hay người đi kèm, tuy nhiên không nhất thiết phải có ảnh trong hộ chiếu của cha mẹ hay người đi kèm.</p> <p>(Phù hợp với quy định hiện hành, công dân Bê-la-rút mang HCNG, HCCV được phép tạm trú miễn thị thực 30 ngày tại VN)</p>

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
		<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Belarus về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu phổ thông</b></p> <p>(Hiệp định ký ngày 08/12/2023, có hiệu lực từ ngày 30/01/2025):</p> <p>Công dân của mỗi Bên mang HCPT còn giá trị được miễn thị thực khi nhập cảnh, xuất cảnh và quá cảnh lãnh thổ Bên kia trong thời gian tạm trú 30 ngày, tổng thời gian tạm trú không quá 90 ngày trong 01 năm dương lịch.</p>
13	<b>Bờ Biển Ngà</b> (Côte D'Ivoire – Ivory Coast)	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Bờ biển Ngà về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ</b></p> <p>Hiệp định ký ngày 18/4/2017, có hiệu lực ngày 18/6/2017)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV (đối với Việt Nam, HCCV theo tiếng Anh là "official passport"; đối với Bờ Biển Ngà, HCCV theo tiếng Anh là "service passport") với thời gian cư trú tối đa là 90 ngày, có thể gian hạn tạm trú theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS của Bên mà người đó là công dân, được nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh qua các cửa khẩu quốc tế.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ (vợ hoặc chồng và các con) mang HCNG, HCCV (hoặc tên con của họ được ghi vào HC của cha hoặc mẹ).</li> </ul>
14	<b>Bô-li-vi-a</b> (Bolivia)	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước Đa dân tộc Bô-li-vi-a về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ</b></p> <p>Ký ngày 25/09/2012 (có hiệu lực từ 9/3/2018)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác cho thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV còn giá trị.</li> </ul>
15	<b>Bốt-xoa-na</b> (Botswana)	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Bốt-xoa-na về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ.</b></p> <p>(Hiệp định ký ngày 26/08/2019, có hiệu lực từ ngày 25/10/2019)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công dân Việt Nam hoặc công dân Bốt-xoa-na mang hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ còn giá trị của Việt Nam hoặc Bốt-xoa-na được nhập cảnh và lưu trú trên lãnh thổ nước kia với thời gian cư trú không quá chín mươi (90) ngày tính từ ngày đầu tiên nhập cảnh mà không cần phải xin thị thực.</li> </ul>

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
		<p>- Công dân Việt Nam hoặc Bốt-xoa-na mang hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ còn giá trị, là thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, đại diện tại các tổ chức quốc tế đóng trên lãnh thổ nước kia và thành viên gia đình của những người này, mang hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ còn giá trị, được miễn thị thực nhập cảnh, xuất cảnh và tạm trú trên lãnh thổ nước kia trong suốt nhiệm kỳ công tác chính thức.</p>
16	<b>Bra-xin</b> (Brazil)	<p><i>Đối với HCNG: (Trao đổi công thư ngày 16/11/2004, có hiệu lực ngày 12/02/2005)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG với thời gian tạm trú 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS.</li> <li>- Miễn thị thực cho thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCNG trong suốt nhiệm kỳ công tác. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhập cảnh, họ phải làm thủ tục đăng ký cư trú tại cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận.</li> </ul> <p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Liên bang Bra-xin về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu công vụ</b></p> <p><i>HCCV: (Hiệp định ký ngày 24/11/2008, có hiệu lực ngày 08/7/2009)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCCV với thời gian tạm trú 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh.</li> <li>- Thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và vợ hoặc chồng, con cùng sống với họ mang HCCV, được nhập cảnh miễn thị thực và <del>được cấp thị thực tạm trú có giá trị</del> trong suốt nhiệm kỳ công tác.</li> </ul>
17	<b>Bru-nây</b> (Brunei)	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ của Quốc vương Bru-nây Đa-ru-xa-lam về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ</b></p> <p><i>(trao đổi công hàm, có hiệu lực từ ngày 14/03/2023 theo Công hàm gửi ngày 12/02/2023)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 30 ngày.</li> </ul> <p><i>(Ta trao công hàm cho Bru-nây, có hiệu lực từ ngày 08/8/2007)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho công dân Bru-nây mang HCPT còn giá trị sử dụng ít nhất 6 tháng với thời gian tạm trú không quá 14 ngày.</li> </ul>
18	<b>Bun-ga-ri</b> (Bulgaria)	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước cộng hòa Bun-ga-ri về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ</b></p>

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
		<p><i>Hiệp định ký ngày 07/07/2010, có hiệu lực từ ngày 20/12/2010):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- MTT cho người mang HCNG, HCCV với thời gian cư trú không quá 90 ngày trong vòng 180 ngày kể từ ngày nhập cảnh đầu tiên.</li> <li>- Thành viên các cơ quan ĐDNG, CQLS hoặc phái đoàn thường trực tại các TCQT đóng trên lãnh thổ Bên ký kết kia và thành viên gia đình họ (vợ, chồng, con độc thân dưới 18 tuổi, con thành niên bị mất khả năng lao động vĩnh viễn, con độc thân dưới 25 tuổi đang theo học tại một cơ sở giáo dục của Nước nhận) mang HCNG, HCCV phải có thị thực nhập cảnh phù hợp trước khi nhập cảnh lần đầu.</li> </ul> <p><b>(Hiệp định này thay thế Thỏa thuận về cơ chế thị thực thuận lợi được áp dụng trên cơ sở trao đổi công hàm, có hiệu lực từ ngày 01/06/1966).</b></p>
19	<p><b>Các Tiêu Vương quốc A-rập Thống Nhất (UAE)</b></p>	<p><i>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ các tiểu vương quốc A-rập Thống nhất về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ/hộ chiếu đặc biệt</i></p> <p><i>(Hiệp định ký ngày 23/10/2010, có hiệu lực từ ngày 22/7/2011)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- MTT nhập cảnh, xuất cảnh cho người mang HCNG, HCĐB, HCCV còn giá trị với thời gian cư trú không quá 90 ngày.</li> <li>- Thành viên CQĐDNG, CQLS hoặc là đại diện của nước mình tại các TCQT có trụ sở trên lãnh thổ Bên ký kết kia mang HCNG, HCĐB, HCCV còn giá trị <b>phải có thị thực</b> trước khi nhập cảnh lãnh thổ Bên ký kết kia với tư cách là thành viên CQĐDNG, CQLS hoặc đại diện tại TCQT.</li> </ul>
20	<p><b>Ca-dắc-xtan (Kazakhstan)</b></p>	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan đi lại lẫn nhau của công dân hai nước</b></p> <p><i>(Hiệp định ký ngày 15/9/2009, có hiệu lực từ ngày 11/4/2010 )</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV và trẻ em có tên trong hộ chiếu với thời gian cư trú không quá 30 ngày.</li> <li>- Miễn thị thực cho thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự hoặc cơ quan đại diện của TCQT cũng như thành viên gia đình họ mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ trong suốt nhiệm kỳ công tác, sau khi những người này đã hoàn tất các thủ tục đăng ký cư trú tại cơ quan có thẩm quyền nước sở tại trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhập cảnh.</li> <li>- Miễn thị thực cho người mang hộ chiếu thuyền viên có tên trong danh sách thuyền viên; những người này được phép cư trú trong phạm vi thành phố hoặc thị trấn nơi có cảng. (Phù hợp với quy định hiện hành, công dân Ca-dắc-xtan mang HCTV được phép tạm trú miễn thị thực 30 ngày)</li> <li>- Miễn thị thực cho thành viên tổ bay mang hộ chiếu còn giá trị và thẻ thành viên phi hành đoàn.</li> </ul>

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
		<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan về việc miễn thị thực cho người mang hộ chiếu phổ thông</b>  <i>(Hiệp định ký ngày 21/8/2023, có hiệu lực từ ngày 25/5/2024)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công dân của một nước mang HCPT còn giá trị ít nhất 06 (sáu) tháng được miễn thị thực khi nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú trên lãnh thổ của nước kia trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhập cảnh, với điều kiện tổng số ngày cư trú không vượt quá 90 (chín mươi) ngày trong mỗi giai đoạn 180 (một trăm tám mươi) ngày.</li> <li>- Công dân của một nước có ý định cư trú trên 30 (ba mươi) ngày tại nước kia phải có thị thực phù hợp.</li> </ul>
21	<b>Ca-mơ-run</b> (Cameroon)	<p><b>Hiệp định miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Ca-mơ-run</b>  <i>(Hiệp định ký ngày 27/12/2017, có hiệu lực ngày 26/12/2019)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV 90 ngày trong khoảng thời gian 06 tháng kể từ ngày nhập cảnh.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác cho thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV còn giá trị.</li> </ul>
22	<b>Căm-pu-chia</b> (Cambodia)	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Căm-pu-chia về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ</b>  <i>(Hiệp định ký ngày 30/11/1979, có hiệu lực từ ngày ký):</i></p> <p>Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV, giấy thông hành ngoại giao, công vụ, không quy định cụ thể thời gian miễn thị thực.  (Phù hợp với quy định hiện hành, công dân Cam-pu-chia mang HCNG, HCCV được phép tạm trú miễn thị thực 30 ngày tại VN)</p> <p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Căm-pu-chia về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu phổ thông</b>  <i>(Hiệp định ký ngày 04/11/2008, có hiệu lực từ 05/12/2008 và Thỏa thuận qua trao đổi Công hàm tháng 12/2009 sửa đổi Hiệp định này, nâng thời hạn miễn thị thực từ 14 lên 30 ngày, bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.)</i></p> <p>Miễn thị thực cho người mang HCPT còn giá trị sử dụng ít nhất 6 tháng. Thời gian tạm trú không quá 30 ngày.</p>

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
23	<b>Ca-ta</b> (Qatar)	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước Ca-ta về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và hộ chiếu đặc biệt</b> (Hiệp định ký ngày 15/08/2022, có hiệu lực từ ngày 29/3/2023)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV/HCĐB 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác cho thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, phái đoàn thường trực tại tổ chức quốc tế và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV/HCĐB còn giá trị.</li> </ul>
24	<b>Chi-lê</b> (Chile)	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Chi-lê về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ</b> (Hiệp định ký ngày 22/10/2003, có hiệu lực từ ngày 25/6/2005):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn tối đa 90 ngày theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV (hoặc tên con của họ được ghi vào HC của cha hoặc mẹ).</li> </ul> <p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Chi-lê về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu phổ thông</b> (Hiệp định ký ngày 17/10/2016, có hiệu lực từ ngày 11/8/2017)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công dân hai Nước mang hộ chiếu phổ thông còn giá trị ít nhất sáu (6) tháng được miễn thị thực khi nhập cảnh và lưu trú trên lãnh thổ Bên kia, trong thời hạn không quá chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhập cảnh, với điều kiện việc nhập cảnh đó không nhằm mục đích hoạt động có thu nhập.</li> <li>- Công dân hai Nước mang hộ chiếu phổ thông có ý định lưu trú nhiều hơn chín mươi (90) ngày phải xin phép Cơ quan có thẩm quyền của Nước nhận, phù hợp với luật và quy định nội luật của nước đó.</li> </ul>
25	<b>Cô-lôm-bi-a</b> (Colombia)	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Cô-lôm-bi-a về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ</b> (Hiệp định ký ngày 27/02/2012, có hiệu lực từ ngày 28/3/2012)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công dân của một Bên mang HCNG hoặc HCCV còn giá trị được miễn thị thực khi nhập cảnh, xuất cảnh, và quá cảnh lãnh thổ Bên kia với thời gian cư trú không quá 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh vào lãnh thổ Bên kia.</li> <li>- Công dân mang HCNG hoặc HCCV còn giá trị của một Bên và là thành viên các CQĐDNG, CQLS hoặc đại diện của các tổ chức quốc tế đóng trên lãnh thổ Bên kia, và thành viên gia đình họ mang HCNG hoặc HCCV</li> </ul>

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
		<p>còn giá trị có quyền nhập cảnh, xuất cảnh, tạm trú miễn thị thực tại lãnh thổ Bên kia trong suốt nhiệm kỳ công tác.</p>
26	<p><b>Cô-oét</b> (Kuweit)</p>	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước Cô-oét về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ</b> <i>Hiệp định ký ngày 13/10/2012, có hiệu lực từ ngày 24/4/2013):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày trong vòng 6 tháng tính từ ngày nhập cảnh đầu tiên.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV (hoặc tên con của họ được ghi vào HC của cha hoặc mẹ) <u>khi việc bổ nhiệm những người này được thông báo cho Bên ký kết kia 30 ngày trước khi họ nhập cảnh.</u></li> </ul>
27	<p><b>Cô-xta Ri-ca</b> (Costa Rica)</p>	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Cô-xta Ri-ca về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ</b> <i>Hiệp định ký ngày 04/7/2012, có hiệu lực từ ngày 01/4/2016)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công dân của một Bên mang hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ còn giá trị được miễn thị thực khi nhập cảnh, xuất cảnh và quá cảnh lãnh thổ Bên kia với thời gian lưu trú không quá chín mươi (90) ngày.</li> <li>- Công dân của một Bên là thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự hoặc đại diện tại các tổ chức quốc tế đóng trên lãnh thổ Bên kia và vợ, chồng, con của những người này, mang hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ còn giá trị, được quyền nhập cảnh, xuất cảnh, tạm trú miễn thị thực tại lãnh thổ Bên kia trong thời hạn chín mươi (90) ngày. Sau thời hạn này, họ sẽ được cấp loại thị thực phù hợp hoặc giấy phép cư trú có giá trị đến hết nhiệm kỳ công tác.</li> </ul>
28	<p><b>Crô-a-ti-a</b> (Croatia)</p>	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Crô-a-ti-a về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ</b> <i>(Hiệp định ký ngày 29/10/2009, có hiệu lực từ ngày 27/3/2010)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian cư trú không quá 30 ngày.</li> <li>- Miễn thị thực cho thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự hoặc cơ quan đại diện của TCQT cũng như thành viên gia đình họ mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ trong suốt nhiệm kỳ công tác.</li> </ul> <p><i>* Crô-a-ti-a đơn phương MTT cho công dân VN mang HCNG, HCCV với thời hạn cư trú không quá 90 ngày, kể từ ngày 01/01/2010 (Công hàm số 001/10/TCM ngày 05/01/2010 của Đại sứ quán Crô-a-ti-a tại Ma-lai-xi-a).</i></p>

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
		<p>* Ngày 27/8/2021, Bộ Ngoại giao và các vấn đề châu Âu Crô-a-ti-a có công hàm số 4596/2021/MZ thông báo quy định của Chính phủ Crô-a-ti-a về các đối tượng được miễn hoặc phải có thị thực nhập cảnh khi nhập cảnh Crô-a-ti-a đối với công dân nước thứ ba. Quy định này có hiệu lực từ ngày 28/8/2021 nội dung như sau: Người mang hộ chiếu ngoại giao, công vụ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được miễn thị thực nhập cảnh Crô-a-ti-a nếu lưu trú <u>không quá 90 ngày trong vòng 180 ngày</u> hoặc nếu chỉ quá cảnh qua lãnh thổ Croatia (Khoản 2 Điều 3).</p>
29	Cu-ba (Cuba)	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Cu-ba về các trường hợp miễn thị thực cho công dân hai nước</b></p> <p><i>Hiệp định ký ngày 31/8/1981, đang có hiệu lực):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực đối với công dân Việt Nam mang HCNG, HCCV, HCPT đi công vụ và hộ chiếu thuyền viên; miễn thị thực đối với công dân Cu-ba mang HCNG, HCCV, hộ chiếu chính thức và hộ chiếu hàng hải.</li> </ul> <p>(Phù hợp với quy định hiện hành, công dân Cu-ba mang HCNG, HCCV, hộ chiếu chính thức, hộ chiếu hàng hải được phép tạm trú miễn thị thực 30 ngày tại VN)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp thị thực cho các loại HC khác miễn thu lệ phí.</li> </ul>
30	Đô-mi-ni-ca (Dominica)	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Đô-mi-ni-ca về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao và người mang hộ chiếu công vụ</b></p> <p><i>(Hiệp định ký ngày 30/8/2007, có hiệu lực từ ngày 29/9/2007)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời hạn tạm trú tối đa là 90 ngày.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS và phái đoàn đại diện tại Tổ chức quốc tế đóng trên lãnh thổ của Bên ký kết kia. Quy định này cũng áp dụng đối với thành viên gia đình của họ nếu mang HCNG, HCCV.</li> </ul>
31	Đô-mi-ni-ca Cộng đồng thịnh vượng (Common-wealth of Dominica)	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng đồng thịnh vượng Đô-mi-ni-ca về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ</b></p> <p><i>(Hiệp định ký ngày 22/9/2023, có hiệu lực từ ngày 25/9/2024)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho công dân hai nước là người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú tối đa là 90 ngày;</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS và phái đoàn đại diện tại Tổ chức quốc tế đóng trên lãnh thổ của Bên ký kết kia. Quy định này cũng áp dụng đối với thành viên gia đình của họ nếu mang HCNG, HCCV.</li> </ul>

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
32	<b>Ê-cu-a-đo</b>	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Ê-cu-a-đo về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và hộ chiếu đặc biệt</b> (Hiệp định ký ngày 20/8/2007, có hiệu lực từ ngày 19/9/2007)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV, HCDB còn giá trị ít nhất 06 tháng với thời hạn tạm trú tối đa là 90 ngày. Thời hạn tạm trú có thể được gia hạn không quá 90 ngày trên cơ sở có văn bản đề nghị của CQĐDNG, CQLS.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, bao gồm cả các thành viên gia đình (vợ hoặc chồng và con sống phụ thuộc cha mẹ) mang HCNG, HCCV, HCDB đóng trên lãnh thổ của Bên ký kết kia.</li> </ul>
33	<b>En Xen-va-đo</b> (El Salvador)	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa En Xan-Va-đo về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ</b> (Hiệp định ký ngày 31/3/2011, có hiệu lực từ ngày 30/5/2011)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời hạn tạm trú tối đa là 90 ngày.</li> <li>- Miễn thị thực nhập xuất cảnh và tạm trú trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS và phái đoàn đại diện tại Tổ chức quốc tế đóng trên lãnh thổ của Bên ký kết kia. Quy định này cũng áp dụng đối với thành viên gia đình của họ nếu mang HCNG, HCCV.</li> </ul>
34	<b>Ê-xtô-ni-a</b> (Estonia)	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Ê-xtô-ni-a về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao</b> (Hiệp định ký ngày 27/9/2013, có hiệu lực từ ngày 20/5/2014)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG với thời gian cư trú không quá 90 ngày trong vòng 180 ngày tính từ ngày nhập cảnh đầu tiên.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCNG. Những người này phải hoàn tất thủ tục đăng ký cư trú trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh.</li> </ul>
35	<b>Hàn Quốc</b>	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Đại hàn dân quốc về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ</b> (Hiệp định ký ngày 15/12/1998, có hiệu lực từ ngày 13/01/1999):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS. Người mang HCNG, HCCV muốn tạm trú quá 90 ngày phải xin thị thực trước và được cấp thị thực miễn thu lệ phí.</li> </ul>

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV.</li> </ul>
36	<b>Hung-ga-ri</b>	<p><b><i>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Hung-ga-ry về việc miễn thị thực cho công dân hai nước mang hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ</i></b>  <i>Hiệp định ký ngày 04/5/1993, có hiệu lực từ ngày 01/8/1993)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, cơ quan thương mại, TCQT và vợ hoặc chồng, con vị thành niên cùng sống với họ mang HCNG, HCCV.  <i>(Trao đổi công hàm tạo điều kiện thuận lợi cho người mang HCPT đi công vụ, có hiệu lực từ ngày 01/8/1993):</i></li> <li>- Cấp thị thực cho HCPT đi công vụ trong vòng 7 ngày làm việc, miễn thu lệ phí với điều kiện có công hàm của Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao Việt Nam hoặc Vụ Lãnh sự Bộ Ngoại giao Hung-ga-ri khẳng định tính chất công vụ của chuyến đi.</li> </ul>
37	<b>Hy Lạp</b>	<p><b><i>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Hy Lạp về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao.</i></b>  <i>Ký ngày 02/7/2018, có hiệu lực ngày 02/01/2019</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG 90 ngày (trong một hoặc nhiều lần) trong vòng 180 ngày kể từ lần nhập cảnh đầu tiên vào khu vực Schengen.</li> <li>- Hiệp định này không miễn cho công dân của một Bên, mang hộ chiếu ngoại giao còn giá trị, là thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của một Bên tại Bên kia hoặc phái đoàn đại diện của một Bên tại tổ chức quốc tế đóng trên lãnh thổ Bên kia và thành viên gia đình sống cùng một hộ của những người này, nghĩa vụ xin thị thực trước khi đến lãnh thổ Bên kia.</li> </ul>
38	<b>In-đô-nê-xi-a</b>	<p><i>(Trao đổi công hàm ngày 19/8/1998; có hiệu lực ngày 19/9/1998):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 14 ngày.</li> <li>- Thành viên CQĐDNG, CQLS và vợ hoặc chồng, con cùng đi mang HCNG, HCCV phải xin thị thực trước khi đi công tác nhiệm kỳ.</li> <li>- Cấp thị thực miễn phí cho người mang HCPT được mời tham dự các hoạt động của ASEAN do Ban Thư ký ASEAN hoặc các cơ quan, tổ chức thuộc Chính phủ tổ chức.</li> </ul>

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
		<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ cộng hòa In-đô-nê-xi-a về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu phổ thông (ký ngày 26/6/2003, có hiệu lực ngày 04/12/2003):</b></p> <p>Miễn thị thực cho người mang HCPT với thời gian tạm trú không quá 30 ngày với điều kiện hộ chiếu phải còn thời hạn giá trị ít nhất 6 tháng. Thời gian tạm trú không được gia hạn.</p> <p><b>* Ngày 19/01/2004, Bộ Ngoại giao In-đô-nê-xi-a có công hàm thông báo:</b></p> <p>Từ ngày 01/02/2004, công dân Việt Nam (không phân biệt loại HC) được nhập cảnh In-đô-nê-xi-a miễn thị thực với thời gian tạm trú không quá 30 ngày. Thời gian tạm trú không được gia hạn.</p>
39	I-rắc	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa I-rắc về miễn thị thực</b></p> <p><i>Hiệp định ký ngày 13/6/2001, có hiệu lực từ 01/12/2001):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV.</li> </ul>
40	I-ran	<p><b>Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Hồi giáo I-ran về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao (ký ngày 02/5/1994, có hiệu lực từ ngày 01/6/1994 đã được sửa đổi bổ sung Điều 2 bằng Thỏa thuận năm 2018 giữa hai Chính phủ có hiệu lực ngày 14/10/2018) và Hiệp định MTT dành cho người mang hộ chiếu công vụ ký giữa I-ran và Việt Nam ký ngày 06/10/2016, có hiệu lực từ ngày 21/7/2017:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú tối đa chín mươi (90 ngày). Đối với HCNG, thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS.</li> <li>- Miễn thị thực nhập cảnh cho thành viên CQĐDNG, CQLS hoặc văn phòng đại diện của nước mình tại các tổ chức quốc tế đóng trên lãnh thổ Bên kia và vợ, chồng, con của những người này, mang HCNG, HCCV còn giá trị, được tạm trú và nhập cảnh, xuất cảnh lãnh thổ Bên kia miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác chính thức với điều kiện việc bổ nhiệm những người này phải được thông báo chính thức cho Bên kia ba mươi (30) ngày trước khi đến lãnh thổ nước tiếp nhận.</li> </ul> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người mang HCNG còn giá trị phải đến Bộ Ngoại giao nước sở tại để nhận thẻ cư trú sau khi nhập cảnh.</li> <li>- Người mang HCCV còn giá trị nhập cảnh lãnh thổ Bên kia với mục đích hoạt động báo chí hoặc làm việc có thu nhập (trừ những đối tượng quy</li> </ul>

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
		định tại khoản 1 Điều 2 của Hiệp định về miễn thị thực cho HCCV) mà theo pháp luật Bên tiếp nhận cần phải xin giấy phép lao động sẽ phải làm thủ tục xin thị thực phù hợp trước khi nhập cảnh vào lãnh thổ Bên đó.
41	<b>I-ta-li-a</b>	<p><b><i>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa I-ta-li-a về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao</i></b></p> <p><i>Hiệp định ký ngày 13/7/2010, có hiệu lực từ ngày 20/01/2012)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công dân của các Bên ký kết, là người mang HCNG còn giá trị và không phải là người đang công tác nhiệm kỳ tại lãnh thổ Bên ký kết kia, được miễn thị thực khi nhập cảnh, xuất cảnh và quá cảnh lãnh thổ Nước tiếp nhận với thời gian cư trú không quá chín mươi (90) ngày (trong một hay nhiều giai đoạn) trong thời hạn sáu (06) tháng, tính từ ngày nhập cảnh lần đầu vào lãnh thổ Nước tiếp nhận. Đối với công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thời hạn chín mươi (90) ngày nói trên sẽ được tính từ ngày nhập cảnh đầu tiên vào khu vực Schengen.</li> <li>- Thành viên CQĐDNG, CQLS và đại diện tại các TCQT đóng trên lãnh thổ Bên ký kết kia cũng như thành viên gia đình của họ mang HCNG vẫn phải có thị thực khi nhập cảnh lần đầu tiên để làm công tác nhiệm kỳ tại cơ quan đại diện ở nước ngoài.</li> <li>- Những người nói trên, sau khi được Nước tiếp nhận chấp thuận và cấp Chứng minh thư Ngoại giao, có quyền nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú trên lãnh thổ Nước tiếp nhận trong suốt nhiệm kỳ công tác”.</li> </ul>
42	<b>I-xra-en</b>	<p><b><i>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước I-xra-en về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao</i></b></p> <p><i>Hiệp định ký ngày 21/5/2009 và có hiệu lực từ ngày 06/12/2012)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho HCNG với thời gian lưu trú không quá 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh. Trường hợp dự kiến tạm trú trên 90 ngày thì phải xin thị thực trước khi nhập cảnh.</li> <li>- Thành viên CQĐDNG, CQLS và vợ hoặc chồng, con cùng sống với họ mang HCNG phải có thị thực và/hoặc hoàn tất các thủ tục đăng ký cư trú cần thiết trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhập cảnh.</li> </ul>
43	<b>Ku-rur-gis-xtan</b>	<p><i>(kế thừa Hiệp định về điều kiện đi lại giữa VN và Liên Xô cũ ký ngày 15/7/1981)</i></p> <p>Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV, và HCPT (không phân biệt mục đích nhập cảnh).</p> <p>(Phù hợp với quy định hiện hành, công dân Ku-rur-gis-xtan được phép tạm trú miễn thị thực 30 ngày tại VN)</p>
44	<b>Lào</b>	<p><i>Hiệp định miễn thị thực cho HCNG, HCCV ký ngày 17/7/1977; Công hàm trao đổi năm 1993; Hiệp định miễn thị thực cho HCPT ký ngày 05/3/2004, có hiệu lực từ ngày 01/7/2004; Thỏa thuận về việc tạo điều kiện thuận lợi</i></p>

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
		<p><i>cho người, phương tiện, hàng hoá qua lại biên giới nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc khuyến khích phát triển hợp tác đầu tư, thương mại giữa hai nước ký ngày 14/9/2007 ( Thoả thuận Hà Nội năm 2007 ).</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV, không quy định rõ thời gian tạm trú<sup>1</sup>.(Phù hợp với quy định hiện hành, công dân Lào mang HCNG, HCCV được phép tạm trú miễn thị thực 30 ngày tại VN)</li> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCPT đi việc công (có tem AB của Việt Nam hoặc ký hiệu SERVICE của Lào), cụ thể:</li> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCPT đi việc công (thuộc mọi thành phần kinh tế và các tổ chức có tư cách pháp nhân) thực hiện các hợp đồng thương mại, lao động, đầu tư và các dự án hợp tác. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhập cảnh, chủ dự án hoặc người sử dụng lao động phải làm đầy đủ các thủ tục đăng ký cư trú cho người lao động theo qui định hiện hành của mỗi nước.</li> <li>- Công dân hai nước có Thẻ lao động và Thẻ tạm trú được miễn thị thực khi xuất cảnh, nhập cảnh trong thời hạn của Thẻ tạm trú. Giấy phép lao động và Thẻ tạm trú được cấp theo thời hạn của các hợp đồng thương mại, lao động, đầu tư, các dự án hợp tác và được gia hạn với thời hạn tối đa 12 tháng một lần.</li> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCPT đi việc công là học sinh, sinh viên, thực tập sinh theo chương trình hợp tác giữa hai Chính phủ hoặc giữa các tổ chức quốc doanh hai nước. Thời hạn cư trú được cấp phù hợp với thời hạn của chương trình hợp tác.</li> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCPT còn giá trị sử dụng ít nhất 6 tháng với thời gian tạm trú không quá 30 ngày. Người có nhu cầu nhập cảnh trên 30 ngày phải xin thị thực trước; thời gian tạm trú có thể được gia hạn tối đa 2 lần, mỗi lần 30 ngày. Lệ phí cấp hoặc gia hạn thị thực thông nhất hai Bên là 20USD/thị thực, thu bằng tiền VND và LAK hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi (theo tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Ngoại thương Lào công bố tại thời điểm thu).</li> </ul>
45	Li-bê-ri-a	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Li-bê-ri-a về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ</b>  <i>(Ký ngày 08/12/2017, có hiệu lực từ ngày 06/02/2018)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày;</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác chính thức đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT mang HCNG, HCCV và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV.</li> </ul>

<sup>1</sup>Hiện nay, Lào áp dụng thời gian tạm trú là 30 ngày.

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
46	Liên bang Nga	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga về điều kiện đi lại của công dân hai nước</b>  <i>Hiệp định ký ngày 28/10/1993, có hiệu lực từ ngày 20/02/1994; công hàm sửa đổi bổ sung Hiệp định có hiệu lực từ 02/01/2005</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn tối đa 90 ngày khi có lý do chính đáng hoặc theo yêu cầu chính thức.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT, cán bộ của các tổ chức, cơ quan đóng trên lãnh thổ của nhau theo thoả thuận giữa hai Chính phủ, cùng thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV.</li> <li>- Những người mang hộ chiếu thuyền viên là thủy thủ trên tàu của một bên có thể đến, rời khỏi tàu của họ và tạm trú trên lãnh thổ bên kia miễn thị thực. Nếu họ đi bằng phương tiện vận tải khác qua lãnh thổ của bên kia thì được miễn thị thực khi trong hộ chiếu thuyền viên có ghi mục đích chuyến đi và nơi đến (Phù hợp với quy định hiện hành, công dân Liên bang Nga mang HCTV được phép tạm trú miễn thị thực 30 ngày tại VN).</li> <li>- Các thành viên tổ bay của tàu bay và là công dân của hai Bên được hưởng chế độ miễn thị thực với thời hạn mỗi lần lưu trú không quá 30 ngày (các trường hợp được miễn thị thực xem tại Phần II – Miễn thị thực cho thành viên tổ bay tại danh sách này).</li> <li>- Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan có thẩm quyền của Bên này cấp thị thực cho công dân của Bên kia miễn thu lệ phí lãnh sự.</li> <li>- Cấp thị thực miễn phí cho người đi thăm thành viên CQĐDNG, CQLS trên cơ sở thư mời (có xác nhận của CQĐD liên quan) trong vòng 3 ngày làm việc. Thị thực có giá trị nhập xuất cảnh nhiều lần và thời hạn không quá 3 tháng.</li> </ul>
47	Lít-va	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Lít-va về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao</b>  <i>(Ký ngày 23/01/2019, có hiệu lực từ ngày 17/11/2019)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công dân của mỗi Bên ký kết mang hộ chiếu ngoại giao còn giá trị được miễn thị thực nhập cảnh, cư trú, xuất cảnh và quá cảnh lãnh thổ Bên ký kết kia với thời hạn không quá chín mươi (90) ngày, trong thời hạn một trăm tám mươi (180) ngày.</li> <li>- Việc miễn thị thực nêu trên áp dụng cho công dân của các Bên ký kết mang hộ chiếu ngoại giao còn giá trị với điều kiện những người này không thực hiện bất kỳ hoạt động có thu nhập nào ở lãnh thổ Bên ký kết kia.</li> <li>- Công dân của các Bên mang hộ chiếu ngoại giao còn giá trị, được bổ nhiệm là thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự hoặc đại</li> </ul>

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
		<p>diện các tổ chức quốc tế đóng trên lãnh thổ Bên ký kết kia và thành viên gia đình họ, phải xin thị thực phù hợp trước khi nhập cảnh."</p>
48	<b>Ma-lai-xi-a</b>	<p><i>(trao đổi công hàm, có hiệu lực từ ngày 25/11/2001):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang các loại hộ HC, với thời gian tạm trú không quá 30 ngày và với những mục đích sau: du lịch; tham dự các hoạt động thông tấn, báo chí; đi việc công; thăm thân nhân; đàm phán thương mại; đầu tư; tham dự các hoạt động thể thao; tham dự các hội nghị, hội thảo.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS mang HCNG, HCCV và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV. Họ và tên của những người này phải được thông báo cho nước tiếp nhận 14 ngày trước khi nhập cảnh.</li> </ul>
49	<b>Man-ta</b>	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Man-ta về Miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao</b></p> <p><i>Ký ngày 15/11/2015 (có hiệu lực kể từ ngày 04/01/2016)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG với thời gian tạm trú không quá 90 ngày.</li> </ul>
50	<b>Ma-rốc</b>	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Ma-rốc về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và hộ chiếu đặc biệt</b></p> <p><i>Hiệp định ký ngày 18/11/2004, có hiệu lực từ ngày 19/12/2004)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV, HCDB với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS.</li> <li>- Miễn thị thực cho thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV, HCDB, với thời gian tạm trú 90 ngày. Trong thời gian 90 ngày sau khi nhập cảnh, những người này phải hoàn tất thủ tục đăng ký lễ tân cần thiết.</li> </ul>
51	<b>Ma-xê-đô-ni-a</b>	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Ma-xê-đô-ni-a về Miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao hoặc công vụ</b></p> <p><i>Ký ngày 02/12/2014, có hiệu lực từ ngày 14/10/2016)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho HCNG, HCCV với thời gian cư trú không quá ba (03) tháng trong khoảng thời gian sáu (06) tháng, kể từ ngày đầu tiên nhập cảnh.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác cho thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự hoặc phái đoàn đại diện tại tổ chức quốc tế và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV còn giá trị. Quy định này không áp dụng đối với nhân viên giúp việc tại gia đình.</li> </ul>

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
52	Mê-hi-cô	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Mê-hi-cô về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ</b></p> <p><i>Hiệp định ký ngày 06/12/2001, có hiệu lực từ ngày 04/02/2002):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhập cảnh, những người này phải hoàn tất thủ tục cư trú theo quy định của nước sở tại.</li> </ul>
53	Mi-an-ma	<p><b>Thỏa thuận về miễn thị thực giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Mi-an-ma cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ</b></p> <p><i>(Bản ghi nhớ ký ngày 22/6/1998; có hiệu lực từ ngày 11/8/1998):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 30 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS.</li> <li>- Thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT, các văn phòng thương mại và thành viên gia đình họ phải xin thị thực trước khi nhập cảnh.</li> </ul> <p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước cộng hòa Liên bang Mi-an-ma về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu phổ thông ký ngày 26/9/2013, có hiệu lực kể từ ngày 26/10/2013, sửa đổi bằng Công hàm trao đổi giữa Bộ Ngoại giao hai nước (Công hàm số 723/BNG-LS ngày 10/10/2019 của Bộ Ngoại giao Việt Nam và Công hàm số 46 11 11/2019 (6292) ngày 01/11/2019 của Bộ Ngoại giao Mi-an-ma, tạo thành Thỏa thuận sửa đổi Hiệp định, có hiệu lực từ ngày 01/01/2020).</b></p> <p>Công dân Việt Nam hoặc Mi-an-ma mang hộ chiếu phổ thông còn giá trị ít nhất 06 tháng được miễn thị thực nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh trên lãnh thổ nước còn lại trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhập cảnh, trừ trường hợp nhập cảnh với mục đích lao động hoặc các hoạt động thương mại khác. Công dân một nước muốn nhập cảnh vào lãnh thổ của nước kia với mục đích tạm trú quá ba mươi (30) ngày hoặc với mục đích lao động hoặc các hoạt động thương mại khác phải có thị thực được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền của nước kia.</p>
54	Mô-dăm-bích	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Mô-dăm-bích về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ</b></p> <p><i>Hiệp định ký ngày 04/4/2008, có hiệu lực ngày 09/02/2009)</i></p>

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
		<p>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú tối đa 90 ngày.</p> <p>- Miễn thị thực cho thành viên CQĐDNG hoặc CQLS cũng như thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV trong suốt nhiệm kỳ công tác. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh, những người này phải hoàn tất các thủ tục đăng ký tạm trú cần thiết với cơ quan có thẩm quyền nước sở tại.</p>
55	<b>Môn-đô-va</b>	<p><b><i>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Môn-đô-va về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ</i></b>  <i>ký ngày 28/02/2003, có hiệu lực từ ngày 23/5/2003):</i></p> <p>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày.</p> <p>- Miễn thị thực nhập cảnh cho thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV. Sau khi nhập cảnh, họ phải đăng ký lưu trú phù hợp với pháp luật nước tiếp nhận.</p>
56	<b>Mông Cổ</b>	<p><b><i>Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Mông Cổ về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, hộ chiếu phổ thông</i></b>  <i>(Ký ngày 01/11/2023 tại Hà Nội, có hiệu lực từ ngày 06/3/2024):</i></p> <p>- Công dân hai nước mang HCNG, HCCV còn giá trị ít nhất sáu (06) tháng được miễn thị thực nhập cảnh, xuất cảnh và quá cảnh lãnh thổ Bên ký kết kia với thời gian lưu trú không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhập cảnh. Vì những lý do bất khả kháng, thời hạn này có thể được gia hạn theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của nước ký kết mà người mang hộ chiếu là công dân.</p> <p>Trường hợp công dân mang HCNG, HCCV có ý định lưu trú quá 90 (chín mươi) ngày thì phải xin thị thực trước; thị thực cấp miễn phí cho những người này.</p> <p>- Công dân hai nước là thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV được miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác.</p> <p>- Công dân hai nước mang mang HCPT còn giá trị ít nhất sáu (06) tháng được miễn thị thực nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và được cư trú trên lãnh thổ Bên ký kết kia không quá 30 (ba mươi) ngày với điều kiện mục đích của việc nhập cảnh không vì các hoạt động có thu nhập.</p>
57	<b>Mông-tê-nê-grô</b> <i>(kế thừa HD MTT với Nam Tư)</i>	<p><b><i>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Cộng hòa Liên bang Nam Tư về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ</i></b>  <i>Hiệp định ký ngày 05/6/2000, có hiệu lực từ ngày 01/9/2000):</i></p>

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV.</li> </ul>
58	Nam Phi	<p><b><i>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nước Cộng hòa Nam Phi về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ</i></b>  <i>Hiệp định ký ngày 24/5/2007, có hiệu lực từ ngày 23/6/2007)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời hạn tạm trú tối đa 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác cho người mang HCNG, HCCV là thành viên CQĐDNG, CQLS trên lãnh thổ Bên kia và thành viên gia đình mang HCNG hoặc HCCV của những người nêu trên.</li> </ul>
59	Nê-pan	<p><b><i>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nê-pan về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ</i></b>  <i>(Hiệp định ký ngày 11/5/2019, có hiệu lực ngày 25/6/2019)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực nhập cảnh và lưu trú trên lãnh thổ nước kia cho người mang HCNG, HCCV còn giá trị với thời gian cư trú không quá chín mươi (90) ngày với điều kiện những người này không được tham gia các công việc dưới hình thức tự tuyển dụng hay các loại hình làm việc tư nhân khác tại nước đó.</li> <li>- Miễn thị thực nhập cảnh, xuất cảnh và tạm trú trên lãnh thổ nước kia trong suốt nhiệm kỳ công tác chính thức đối với người mang HCNG, HCCV còn giá trị là thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, đại diện tại các tổ chức quốc tế đóng trên lãnh thổ nước kia và thành viên gia đình của những người này. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh, những người này sẽ làm các thủ tục đăng ký cư trú tại cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại.</li> </ul>
60	Nhật Bản	<p><b><i>Công hàm trao đổi giữa Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Ngoại giao Nhật Bản về việc miễn thị thực cho công dân mang hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ</i></b>  <i>(Trao đổi công hàm ngày 08/3/2005, có hiệu lực từ ngày 01/5/2005)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV đi thực hiện chức năng ngoại giao, chức năng lãnh sự, nhiệm vụ chính thức của Chính phủ với thời hạn tạm trú không giới hạn.</li> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV đi với các mục đích khác (không bao gồm mục đích xin việc làm, cư trú, hành nghề chuyên môn, các công việc khác có thu nhập) với thời hạn tạm trú không quá 90 ngày.</li> </ul>

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
61	Ni-ca-ra-goạ	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hội đồng Chính phủ xây dựng lại đất nước nước Cộng hòa Ni-ca-ra-goạ về các trường hợp miễn thị thực hộ chiếu cho công dân hai nước</b></p> <p>(Hiệp định ký ngày 14/3/1983, đang có hiệu lực):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV hoặc hộ chiếu chính thức (Phù hợp với quy định hiện hành, công dân Ni-ca-ra-goạ mang HCNG, HCCV được phép tạm trú miễn thị thực 30 ngày tại VN).</li> <li>- Cấp thị thực cho các loại HC khác miễn thu lệ phí.</li> </ul>
62	Nigeria	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa liên bang Nigeria về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ</b></p> <p>(Hiệp định ký ngày 30/10/2019, có hiệu lực từ ngày 29/11/2019)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công dân Việt Nam hoặc công dân Nigeria mang hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ còn giá trị của Việt Nam hoặc Nigeria được nhập cảnh và lưu trú trên lãnh thổ nước kia với thời gian cư trú không quá chín mươi (90) ngày tính từ ngày đầu tiên nhập cảnh mà không cần phải xin thị thực.</li> <li>- Công dân Việt Nam hoặc Nigeria mang hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ còn giá trị, là thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, đại diện tại các tổ chức quốc tế đóng trên lãnh thổ nước kia và thành viên gia đình của những người này (vợ/chồng và con dưới 18 tuổi), mang hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ còn giá trị, được miễn thị thực nhập cảnh, xuất cảnh và tạm trú trên lãnh thổ nước kia trong suốt nhiệm kỳ công tác chính thức.</li> </ul>
63	Ô-man	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Ô-man về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu đặc biệt, hộ chiếu công vụ</b></p> <p>(Hiệp định ký ngày 28/04/2022, có hiệu lực từ ngày 14/1/2023)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác cho thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCĐB, HCCV còn giá trị.</li> </ul>
64	Pa-ki-xtan	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ và Chính phủ nước Cộng hòa hồi giao Pa-ki-xtan về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ</b></p> <p>(Hiệp định ký ngày 31/01/2007, có hiệu lực từ ngày 02/3/2007)</p>

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời hạn tạm trú tối đa 90 ngày. Mỗi bên có thể gia hạn tạm trú theo yêu cầu bằng văn bản của CQĐDNG và CQLS.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác cho người mang HCNG, HCCV là thành viên CQĐDNG, CQLS, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế trên lãnh thổ Bên kia và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV (bao gồm vợ, chồng, con dưới 18 tuổi). Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh phải đăng ký cư trú.</li> </ul>
65	Pa-na-ma	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Pa-na-ma về miễn thị thực đối với người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, hộ chiếu lãnh sự và hộ chiếu đặc biệt</b></p> <p><i>Hiệp định ký ngày 05/9/2002, có hiệu lực từ ngày 04/11/2002)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực đối với công dân Việt Nam (không thường trú tại Pa-na-ma) mang HCNG, HCCV và công dân Pa-na-ma (không thường trú tại Việt Nam) mang HCNG, HCCV, HCĐB, hộ chiếu lãnh sự với thời gian tạm trú không quá 90 ngày.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS là công dân Việt Nam mang HCNG, HCCV và công dân Pa-na-ma mang HCNG, HCCV, hộ chiếu lãnh sự hoặc HCĐB, và thành viên gia đình sống cùng một hộ với họ.</li> </ul> <p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Pa-na-ma về việc miễn thị thực cho người mang hộ chiếu phổ thông</b></p> <p><i>(ký ngày 07/6/2019, có hiệu lực ngày 15/01/2021)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho công dân của mỗi Bên mang hộ chiếu phổ thông còn giá trị ít nhất sáu (06) tháng khi nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và được lưu trú trên lãnh thổ nước Bên kia không quá chín mươi (90) ngày, với điều kiện mục đích của việc nhập cảnh này không vì các hoạt động có thu nhập.</li> <li>- Công dân của một Bên nhập cảnh Bên còn lại với ý định lưu trú dài hơn thời hạn nói trên phải đề nghị cơ quan cơ thẩm quyền của nước nhận cấp thị thực phù hợp theo quy định nội luật của nước đó.</li> </ul>
66	Pa-ra-guay	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Pa-ra-guay về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ</b></p> <p><i>(ký ngày 08/3/2007, có hiệu lực từ ngày 26/10/2008)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú tối đa 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS.</li> </ul>

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
		<p>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác cho công dân mang HCNG là viên chức của CQĐDNG, CQLS hoặc cơ quan đại diện tại các tổ chức quốc tế trên lãnh thổ Bên kia và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV (bao gồm vợ, chồng, con).</p>
67	Pê-ru	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Pê-ru về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và hộ chiếu đặc biệt</b> (ký ngày 24/02/2006, có hiệu lực từ ngày 02/6/2006)</p> <p>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV của Việt Nam và HCNG, HCĐB của Pê-ru với thời gian tạm trú tối đa là 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS.</p> <p>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên của CQĐDNG, CQLS, đại diện tại TCQT trên lãnh thổ Bên kia và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV, HCĐB.</p>
68	Pháp	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Pháp về miễn thị thực lưu trú ngắn hạn trên cơ sở có đi có lại đối với người mang hộ chiếu ngoại giao</b> (ký ngày 06/10/2004, có hiệu lực từ ngày 01/7/2005)</p> <p>- Miễn thị thực cho người mang HCNG với thời hạn cư trú không quá 3 tháng trong vòng 6 tháng kể từ ngày nhập cảnh đầu tiên. Trường hợp nhập cảnh các tỉnh chính quốc của Pháp sau khi quá cảnh lãnh thổ của một hay nhiều quốc gia thành viên Công ước thi hành Hiệp định Schengen ngày 19/6/1990, thời hạn cư trú 3 tháng được tính từ ngày nhập cảnh biên giới bên ngoài dùng để xác định không gian đi lại tự do được thiết lập giữa các quốc gia này.</p> <p>- Thành viên của CQĐDNG, CQLS, đại diện tại TCQT của một Bên đóng trên lãnh thổ Bên kia phải xin thị thực nhập cảnh phù hợp.</p>
69	Phi-líp-pin	<p><b>Bản ghi nhớ ký giữa Chính phủ cộng hòa Philipin và Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc miễn thị thực cho những người mang hộ chiếu ngoại giao</b> (Bản ghi nhớ ký ngày 20/01/1997, có hiệu lực từ ngày 19/02/1997):</p> <p>- Miễn thị thực cho người mang HCNG với thời gian tạm trú không quá 30 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu chính thức.</p> <p>- Miễn thị thực cho thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT (kể cả thành viên gia đình) mang HCNG với thời gian tạm trú không quá 30 ngày. Trong thời gian đó, họ phải làm các thủ tục cần thiết tại cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại. Việc nhập cảnh của các đối tượng này phải được thông báo trước qua đường ngoại giao.</p> <p>(Bản ghi nhớ ký giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chính phủ nước Cộng hòa Phi-líp-pin về miễn thị thực cho</p>

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
		<p><i>người mang hộ chiếu công vụ và thúc đẩy vấn đề thị thực cho người mang hộ chiếu phổ thông ngày 17/12/1998, có hiệu lực từ ngày 16/02/1999):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCCV với thời gian tạm trú không quá 30 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS.</li> <li>- Miễn thị thực cho thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCCV với thời gian tạm trú tối đa 30 ngày. Trong thời gian đó, họ phải làm các thủ tục cần thiết tại cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại</li> <li>- Miễn thị thực cho công dân một Bên làm việc cho Ban thư ký ASEAN mang HCPT khi nhập cảnh Bên kia để tham dự các hoạt động của ASEAN, thời gian tạm trú không quá 15 ngày;</li> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCPT được mời tham dự các hoạt động của ASEAN do Ban thư ký ASEAN hoặc cơ quan, tổ chức thuộc Chính phủ tổ chức, thời gian tạm trú không quá 15 ngày.</li> </ul> <p><i>(Trao đổi công hàm miễn thị thực cho HCPT theo nguyên tắc có đi có lại; có hiệu lực đối với công dân Việt Nam từ ngày 01/01/2000, đối với công dân Phi-líp-pin kể từ ngày 01/4/2000):</i></p> <p>Miễn thị thực cho người mang HCPT, thời gian tạm trú không quá 21 ngày với điều kiện hộ chiếu còn giá trị sử dụng ít nhất 6 tháng và có vé máy bay khứ hồi hoặc đi tiếp nước khác.</p>
70	<b>Ru-ma-ni</b>	<p><i>(trao đổi công hàm, có hiệu lực từ ngày 18/3/1972):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV<sup>2</sup>(Phù hợp với quy định hiện hành, công dân Ru-ma-ni mang HCNG, HCCV được phép tạm trú miễn thị thực 30 ngày tại VN).</li> </ul>
71	<b>Séc</b>	<p><i>Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước CH Séc về miễn thị thực cho công dân hai nước mang hộ chiếu ngoại giao (trao đổi công hàm ngày 15/12/1999, có hiệu lực từ ngày 13/02/2000):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG với thời gian tạm trú không quá 90 ngày.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS và thành viên gia đình ở cùng một hộ với họ mang HCNG.</li> </ul>
72	<b>Séc-bi-a</b> (kế thừa HĐ MTT với Nam Tư)	<p><b><i>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Cộng hòa Liên bang Nam Tư về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ</i></b></p> <p><i>Hiệp định ký ngày 05/6/2000, có hiệu lực từ ngày 01/9/2000):</i></p>

<sup>2</sup>Hiện nay, Ru-ma-ni áp dụng thời gian tạm trú là 90 ngày.

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV.</li> </ul>
73	<b>Síp</b>	<p><b><i>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Síp về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ</i></b></p> <p><i>Ký ngày 11/9/2015, có hiệu lực từ ngày 10/8/2016</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho HCNG, HCCV với thời hạn cư trú không quá 90 ngày tính từ ngày nhập cảnh đầu tiên.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác cho thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự hoặc phái đoàn đại diện tại tổ chức quốc tế và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV còn giá trị.</li> </ul>
74	<b>Sri Lan-ka</b>	<p><b><i>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Dân chủ Sri-lan-ka về việc miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ</i></b></p> <p><i>Hiệp định ký ngày 21/7/2003, có hiệu lực từ ngày 19/9/2003)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo đề nghị CQĐDNG, CQLS.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV.</li> </ul>
75	<b>Tan-da-ni-a</b>	<p><b><i>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Thống nhất Tan-da-ni-a về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ</i></b></p> <p><i>ký ngày 29/3/2010, có hiệu lực từ ngày 23/02/2011)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian cư trú không quá 90 ngày.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác cho thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự mang HCNG, HCCV còn giá trị. Quy định này cũng áp dụng đối với thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV và HCPT.</li> </ul>
76	<b>Tây Ban Nha</b>	<p><b><i>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương Quốc Tây Ban Nha về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao</i></b></p> <p><i>ký ngày 15/12/2009, có hiệu lực từ ngày 31/8/2010)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG với thời gian cư trú không quá 90 ngày (03 tháng) trong vòng 180 ngày, với điều kiện họ không tham gia vào</li> </ul>

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
		<p>công việc sinh lời trong thời gian cư trú, ngoại trừ những công việc được tiến hành vì mục đích của việc bổ nhiệm.</p> <p>- Công dân Việt Nam nhập cảnh vào lãnh thổ Vương quốc Tây Ban Nha sau khi quá cảnh lãnh thổ của một hoặc nhiều quốc gia áp dụng đầy đủ các quy định của Công ước thực hiện Hiệp định Schengen ngày 19 tháng 6 năm 1990 về việc bỏ kiểm soát biên giới nội bộ và bỏ hạn chế đi lại đối với cá nhân, thời hạn tạm trú ba tháng sẽ được tính từ ngày nhập cảnh biên giới bên ngoài giới hạn khu vực đi lại tự do được thiết lập bởi các quốc gia nói trên.</p>
77	Thái Lan	<p><b><i>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương Quốc Thái Lan về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và tạo điều kiện thuận lợi trong việc cấp thị thực cho người mang hộ chiếu phổ thông</i></b>  <i>ký ngày 12/3/1997, có hiệu lực từ ngày 10/5/1997;</i></p> <p><b><i>Nghị định thư sửa đổi Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương Quốc Thái Lan về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và tạo điều kiện cấp thị thực cho người mang hộ chiếu phổ thông ký ngày 20/02/2004, có hiệu lực từ ngày ký:</i></b></p> <p>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 30 ngày.</p> <p>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT cũng như vợ hoặc chồng và con cùng đi mang HCNG, HCCV. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhập cảnh, họ phải hoàn thành thủ tục đăng ký tạm trú tại nước sở tại.</p> <p><i>(Hiệp định ký ngày 09/5/2000, có hiệu lực từ ngày 09/7/2000):</i></p> <p>- Miễn thị thực cho người mang HCPT với thời gian tạm trú không quá 30 ngày.</p>
78	Thổ Nhĩ Kỳ	<p><b><i>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và hộ chiếu đặc biệt</i></b>  <i>(ký ngày 26/01/2007; có hiệu lực từ ngày 07/6/2007</i></p> <p>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV của Việt Nam và người mang HCNG, HCCV và HCĐB của Thổ Nhĩ Kỳ với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo đề nghị CQĐDNG, CQLS.</p> <p>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với công dân mỗi Bên là thành viên CQĐDNG, CQLS đóng trên lãnh thổ của Bên kia, cũng như thành viên gia đình họ mang những hộ chiếu nói trên. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh, những người này phải hoàn tất các thủ tục đăng ký cư trú với cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại.</p>

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
79	Thụy Sĩ	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hội đồng Liên bang Thụy Sĩ về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao</b>  <i>ký ngày 22/5/2009, có hiệu lực ngày 16/8/2009).</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG tham dự các cuộc họp, hội nghị do một tổ chức có ký hiệp định về trụ sở với một Bên ký kết hoặc do Chính phủ của Bên ký kết kia tổ chức, với thời gian tạm trú không quá 90 ngày trong mỗi giai đoạn 180 ngày (đối với Thụy Sĩ được tính từ ngày nhập cảnh quốc gia đầu tiên thuộc khối Schengen).</li> <li>- Thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và vợ hoặc chồng, con cùng sống với họ mang HCNG, được miễn thị thực nhập cảnh trong suốt nhiệm kỳ công tác.</li> </ul>
80	Ti-mo Lét-xtê	<p><b>Hiệp định miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ Ti-mo Lét-xtê</b>  <i>(ký ngày 01/8/2024, có hiệu lực từ ngày 29/01/2025)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV khi nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú trên lãnh thổ Bên kia trong thời hạn tối đa là ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhập cảnh, với điều kiện những người này không được tham gia các công việc dưới hình thức tự tạo việc làm hay các loại hình làm việc tư nhân khác trên lãnh thổ Bên kia.</li> <li>- Thành viên CQĐDNG, CQLS của nước mình đóng trên lãnh thổ Bên kia và vợ hoặc chồng, con mang HCNG, HCCV được miễn thị thực khi nhập cảnh và xuất cảnh lãnh thổ Bên kia trong vòng ba mươi (30) ngày. Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhập cảnh, những người này sẽ hoàn tất các thủ tục cần thiết để đăng ký cư trú với cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận theo quy định pháp luật.</li> </ul>
81	Triều Tiên (CHDCND)	<p>(hai Bên trao đổi Công hàm về việc miễn thị thực)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV và hộ chiếu tập thể đi công vụ (có hiệu lực từ 01/10/1956);          (Phù hợp với quy định hiện hành, công dân Triều Tiên mang HCNG, HCCV, hộ chiếu tập thể đi công vụ được phép tạm trú miễn thị thực 30 ngày tại VN)</li> <li>- Từ ngày 05/08/2018, Thỏa thuận miễn thị thực cho người mang HCPT đi công vụ giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Triều Tiên năm 1966 chính thức chấm dứt hiệu lực (HCNG, HCCV vẫn được miễn thị thực theo thỏa thuận của Chính phủ hai nước).</li> </ul>
82	Trung Quốc	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về việc miễn thị thực hộ chiếu cho công dân hai nước</b>  <i>(ký ngày 14/02/1992, có hiệu lực từ ngày 15/3/1992)</i></p>

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
		<p><i>Công hàm sửa đổi Hiệp định năm 1992 (ký ngày 11/9/2020, có hiệu lực từ 11/10/2020)<sup>3</sup>:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV và HCPT đi việc công (áp dụng đối với vợ hoặc chồng, con chưa đến tuổi thành niên của họ cùng đi dùng chung một trong 3 loại hộ chiếu kể trên) được miễn thị thực nhập cảnh, quá cảnh Trung Quốc với thời gian tạm trú là 90 ngày (Phù hợp với quy định hiện hành, công dân Trung Quốc mang HCNG, HCCV và HCPT đi việc công được phép tạm trú miễn thị thực 90 ngày tại VN).</li> <li>- Miễn lệ phí thị thực cho thành viên gia đình (vợ/chồng, con, bố, mẹ) của viên chức, nhân viên hành chính-kỹ thuật CQĐDNG, CQLS hai nước đi thăm thân nhân là viên chức, nhân viên cơ quan đại diện nước mình tại nước kia.</li> </ul>
83	<b>Tuy-ni-di</b>	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa Tuy-ni-di và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc miễn thị thực cho Người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và hộ chiếu đặc biệt</b></p> <p><i>(ký ngày 26/6/2007, có hiệu lực ngày 20/01/2009)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho công dân Tuynisia mang HCNG và HCĐB và công dân Việt Nam mang HCNG và HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày.</li> </ul>
84	<b>U-crai-na</b>	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Ucraina về điều kiện đi lại miễn thị thực lẫn nhau của công dân</b></p> <p><i>(ký ngày 21/10/1993, có hiệu lực từ ngày 06/12/1993):</i>  <i>Sửa đổi bổ sung theo Công hàm phía Bạn gửi ngày 10/12/2003 và ta trả lời Bạn bằng Công hàm ngày 6/10/2004</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS.</li> <li>- Miễn thị thực cho người mang hộ chiếu thuyền viên với thời gian tạm trú không quá 30 ngày.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và vợ hoặc chồng, con, cha, mẹ cũng như những người khác được họ nuôi dưỡng mang HCNG, HCCV.</li> </ul>
85	<b>U-dơ-bê-ki-x tan</b>	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa U-dơ-bê-ki-xtan về miễn thị thực cho công dân mang hộ chiếu ngoại giao</b></p> <p><i>(ký ngày 05/4/2010, có hiệu lực ngày 04/6/2010)</i></p>

<sup>3</sup>Hiệp định này không áp dụng đối với Hong Kong và Ma Cao.

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG với thời gian cư trú không quá 60 ngày. Trường hợp dự định lưu trú quá 60 ngày phải xin thị thực nhập cảnh phù hợp.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác cho thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và thành viên gia đình họ mang HCNG còn giá trị.</li> </ul>
86	U-gan-đa	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa U-gan-đa về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ</b> (ký ngày 24/11/2022, có hiệu lực từ ngày 01/12/2024)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú tối đa 90 ngày (có thể gia hạn tạm trú theo quy định của mỗi Bên).</li> <li>- Công dân hai nước là thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự hoặc cơ quan đại diện tại các tổ chức quốc tế đóng tại lãnh thổ Bên kia mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và thành viên gia đình họ phải xin cấp thị thực trước khi nhập cảnh.</li> </ul>
87	U-ru-goay	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Đông U-ru-goay về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ</b> (ký ngày 19/11/2007, có hiệu lực từ ngày 15/6/2008)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú tối đa 90 ngày (có thể gia hạn tạm trú theo quy định của mỗi Bên).</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác cho công dân mang HCNG, HCCV là viên chức của CQĐDNG, CQLS hoặc cơ quan đại diện của TCQT trên lãnh thổ Bên ký kết kia và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh phải đăng ký cư trú.</li> </ul>
88	Vê-nê-du-ê-l a	<p><b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Bô-li-va-ri-a-na Vê-nê-du-ê-la về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ</b> (ký ngày 24/5/2006, có hiệu lực từ ngày 17/11/2006)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Sau khi hết thời hạn 90 ngày nói trên, họ phải xin thị thực phù hợp để được tiếp tục tạm trú trên lãnh thổ Bên kia.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và vợ hoặc chồng, con, cha, mẹ mang HCNG, HCCV.</li> </ul>

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
89	<b>Xây-Sen</b>	<p><i>(Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Xây – sen về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ ký ngày 21/7/2011, có hiệu lực từ 02/12/2012)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian cư trú không quá 90 ngày.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác cho thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV còn giá trị.</li> </ul>
90	<b>Xinh-ga-po</b>	<p><i>(trao đổi công hàm, có hiệu lực từ 10/5/1997) :</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Việt Nam miễn thị thực cho công dân Xinh-ga-po mang HCNG, HCCV với thời hạn tạm trú không quá 90 ngày hoặc trong suốt nhiệm kỳ công tác chính thức đối với những người là thành viên CQĐDNG, CQLS và thành viên gia đình của những người đó.</li> <li>- Xinh-ga-po miễn thị thực cho công dân Việt Nam mang HCNG, HCCV.</li> </ul> <p><i>(miễn thị thực trên cơ sở áp dụng có đi có lại, Xinh-ga-po miễn thị thực cho công dân Việt Nam từ ngày 10/11/2003, Việt Nam miễn thị thực cho công dân Xinh-ga-po từ ngày 01/12/2003):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCPT, thời gian tạm trú không quá 30 ngày, với điều kiện hộ chiếu còn giá trị ít nhất 6 tháng và có vé khứ hồi hoặc vé đi tiếp nước khác, có khả năng tài chính chi trả trong thời gian tạm trú và có đủ các điều kiện cần thiết để đi tiếp nước khác, bao gồm cả thị thực. Việc miễn thị thực không áp dụng đối với trường hợp nhập cảnh để lao động có thu nhập.</li> </ul>
91	<b>Xlô-va-ki-a</b>	<p><i>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa X lô-va-ki-a về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao và tạo điều kiện thuận lợi trong việc cấp thị thực cho người mang hộ chiếu công vụ ký ngày 16/10/2006, có hiệu lực từ ngày 24/02/2007):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG với thời gian tạm trú tối đa 90 ngày.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác cho công dân mang HCNG là viên chức của CQĐDNG, CQLS hoặc cơ quan đại diện của TCQT trên lãnh thổ Bên ký kết kia và thành viên gia đình họ mang HCNG. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh những người này phải đăng ký cư trú.</li> <li>- Xem xét thuận lợi việc cấp thị thực cho người mang hộ chiếu công vụ khi có công hàm của CQĐDNG, CQLS hoặc Bộ Ngoại giao Bên kia.</li> </ul>
92	<b>Xlô-ven-ni-a</b>	<p><i>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa X lô-ven-ni-a về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, tạo thành bằng việc trao đổi Công</i></p>

TT	Nước	Nội dung miễn thị thực
		<p><i>hàm của X lô-ven-ni-a ngày 13/10/2009 và Công hàm của Việt nam ngày 22/12/2009, có hiệu lực kể từ ngày 23/1/2011</i></p> <p><i>Hiệp định bằng hình thức trao đổi công hàm của X lô-ven-ni-a ngày 13/10/2009 và công hàm của Việt Nam ngày 22/12/2009, có hiệu lực từ ngày 23/01/2011)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV (service passport đối với phía X lô-ven-ni-a) với thời gian tạm trú không quá ba (03) tháng trong mỗi giai đoạn sáu (06) tháng, tính từ ngày nhập cảnh đầu tiên.</li> <li>- Thành viên CQĐDNG, CQLS của Bên ký kết này đóng trên lãnh thổ Bên ký kết kia cũng như thành viên gia đình của họ cùng sống trong một hộ mang HCNG, HCCV được miễn thị thực đến khi kết thúc nhiệm kỳ công tác với điều kiện họ phải hoàn tất các thủ tục về cư trú tại các cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại.</li> </ul>
93	<b>Xu-đăng</b>	<p><i>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Xu- Đăng về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ hoặc hộ chiếu đặc biệt</i></p> <p><i>Ký ngày 30/03/2015, có hiệu lực từ ngày 06/9/2016</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho HCNG, HCCV, HCĐB với thời hạn cư trú không quá 90 ngày trong mỗi khoảng thời gian 180 ngày tính từ ngày nhập cảnh đầu tiên.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác cho thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự hoặc phái đoàn đại diện tại tổ chức quốc tế và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV, HCĐB còn giá trị. Việc miễn thị thực cũng áp dụng đối với vợ/chồng và con dưới 18 tuổi của cá nhân nói trên.</li> </ul>

CÁC HIỆP ĐỊNH, THỎA THUẬN CHƯA CÓ HIỆU LỰC

T T	Nước	Nội dung miễn thị thực
1	<b>Bu-run-đi</b> (Burundi)	<b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Bu-run-đi về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ.</b> <i>Ký ngày 10/06/2022 (chưa có hiệu lực)</i> - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác cho thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV còn giá trị.
2	<b>Ê-ti-ô-pi-a</b> (Ethiopia)	<b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ Liên bang Ê-ti-ô-pi-a về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ.</b> <i>Ký ngày 23/08/2018 (chưa có hiệu lực)</i> - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác cho thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV còn giá trị.
3	<b>Nam-mi-bi-a</b> (Namibia)	<b>Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Nam-mi-bi-a về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ hoặc hộ chiếu đặc biệt</b> <i>(Ký ngày 19/11/2013, chưa có hiệu lực)</i> - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác cho thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV còn giá trị.

## II. MIỄN THỊ THỰC CHO THÀNH VIÊN TỔ BAY

TT	Nước	Nội dung
1	<b>Australia</b>	- MTT cho TVTB của <b>Jetstar Airways</b> từ ngày 30/11/2006.
2	<b>China</b>	MMT cho TVTB của các hãng hàng không Trung Quốc (bao gồm cả TVTB của nước thứ ba) làm nhiệm vụ trên chuyến bay giữa hai nước từ ngày 01/11/2008. Thời hạn cư trú MTT là 30 ngày với lý do thay ca bình thường giữa các chuyến bay hoặc vì những nguyên nhân bất khả kháng. Các thành viên tổ bay phải xuất trình hộ chiếu còn giá trị hoặc giấy tờ thay thế hộ chiếu cùng với danh sách TVTB theo quy định (danh sách ghi rõ H&T, giới tính, ngày sinh, quốc tịch, chức vụ, số hộ chiếu; phải được đóng dấu bởi hãng hàng không tương ứng).
3	<b>France</b>	- MTT cho TVTB của <b>Air France</b> từ ngày 01/03/2004.
4	<b>Hong Kong (China)</b>	- MTT cho TVTB của Hong Kong: <b>Hong Kong Airlines</b> từ ngày 28/10/2007. - MTT cho TVTB (bao gồm TVTB là công dân nước thứ ba) của Hong Kong: <b>Hong Kong Express Airways</b> từ ngày 30/04/2011, <b>Cathay Pacific</b> từ ngày 20/11/2012.
5	<b>India</b>	- MTT cho TVTB của Ấn Độ: <b>Air India và Indigo</b> không phân biệt quốc tịch từ ngày 20/12/2024
6	<b>Japan</b>	- MTT cho TVTB của Hãng hàng không Nhật Bản (JAL) từ ngày 01/10/2002 - MTT cho TVTB là công dân nước thứ 3 của các hãng hàng không Nhật Bản, trong đó có hãng Hàng không <b>All Nippon Airways</b> từ ngày 01/07/2010. - MTT cho TVTB của hãng Hàng không Vanilla Air từ ngày 01/9/2016.
7	<b>Kazakstan</b>	- MTT cho TVTB của phía Ca-dắc-xtan mang hộ chiếu còn giá trị và thẻ thành viên của phi hành đoàn từ ngày 11/4/2010. <sup>4</sup>
8	<b>Kenya</b>	MTT cho TVTB Hãng hàng không Kenya Airways từ ngày 01/8/2015. Các TVTB được nhập xuất cảnh miễn thị thực, tạm trú và đi lại tại Việt Nam (trừ những khu vực cấm hoặc hạn chế đi lại theo quy định của pháp luật Việt Nam) trong thời gian chờ khởi hành trở lại cùng với chuyến bay đến hoặc chuyến bay thường lệ tiếp theo.
9	<b>Korea South</b>	- MTT cho TVTB của <b>Korean Air</b> (từ tháng 2/2003); <b>Asiana Airlines (OZ)</b> từ ngày 10/10/2003. - MTT cho TVTB của <b>Air Busan</b> từ 01/09/2015. - MTT cho TVTB của <b>Jeju Air</b> từ ngày 07/10/2015. - MTT cho TVTB của <b>Jin Air</b> từ ngày 26/10/2015. - MTT cho TVTB của <b>T'Way Air</b> từ ngày 21/12/2015. - MTT cho TVTB của <b>Eastar Jet</b> từ ngày 13/6/2017. - MTT cho TVTB của <b>Air Premia</b> từ ngày 05/12/2022. - MTT cho TVTB của <b>Aero K</b> từ ngày 15/3/2025.
10	<b>Luxembourg</b>	MMT cho TVTB của Hãng hàng không <b>CargoLux</b> từ 15/03/2011
11	<b>New Zealand</b>	Kể từ ngày <b>04/6/2016</b> , MTT cho TVTB Hãng hàng không Air New Zealand (Niu Di-lân) bao gồm cả người có quốc tịch Niu Di-lân và người quốc tịch nước thứ ba. Các TVTB được nhập xuất cảnh miễn thị thực, tạm trú và đi lại trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam (trừ những khu vực cấm hoặc hạn chế đi lại

<sup>4</sup> Theo Hiệp định giữa 02 Chính phủ năm 2009

		theo quy định của pháp luật Việt Nam) trong thời gian chờ khởi hành trở lại cùng với chuyến bay đến hoặc chuyến bay thường lệ tiếp theo.
12	<b>Poland</b>	MTT cho TVTB, của Hãng hàng không Ba Lan (LOT) từ ngày 10/11/2010. Phi hành đoàn, bao gồm công dân nước thứ ba, được MTT nhập xuất cảnh, tạm trú và đi lại trong phạm vi các thành phố có cảng hàng không (trừ khu vực cấm) trong thời gian lưu lại giữa các chuyến bay.
13	<b>Qatar</b>	- MTT cho TVTB của <b>Qatar Airways</b> từ ngày 01/06/2007
14	<b>Russia</b>	<p>1. Các trao đổi về TVTB trong giai đoạn 2004-2007.</p> <p>- MTT cho TVTB của <b>Transaero Airlines</b> từ ngày 21/01/2007 với thời gian tạm trú không quá 30 ngày với các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Làm nhiệm vụ trên các chuyến bay của các hãng hàng không được chỉ định, chuyến bay khác do các hãng hàng không hai nước thực hiện, chuyến bay chuyên cơ, chuyến bay do tổ bay thuê thực hiện trên các tàu bay tư nhân được một trong 2 bên đăng ký.</li> <li>+ Có hộ chiếu, thẻ phi hành đoàn kèm theo danh sách tổ bay.</li> </ul> <p>- MTT cho TVTB của <b>Valdivostok Air (XF)</b> từ ngày 20/9/2004.</p> <p>2. Theo Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga về điều kiện đi lại của công dân hai nước (<i>ký ngày 28/10/1993, có hiệu lực từ ngày 20/02/1994; sửa đổi bổ sung Hiệp định có hiệu lực từ 02/01/2005</i>):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- MTT cho thành viên tổ bay của tàu bay của hai Bên và là công dân của hai Bên, được áp dụng với thời hạn mỗi lần lưu trú không quá 30 ngày trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Các chuyến bay thường lệ và các chuyến bay tăng chuyến trên các tuyến thỏa thuận do các hãng hàng không được chỉ định của hai Bên thực hiện trên cơ sở Hiệp định hàng không giữa Chính phủ Liên bang Nga và Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam ký ngày 27 tháng 5 năm 1993.</li> <li>+ Các chuyến bay do các hãng hàng không của hai Bên thực hiện ngoài các chuyến bay nói trên.</li> <li>+ Các chuyến bay chuyên cơ nhà nước của hai Bên.</li> <li>+ Các chuyến bay do tổ bay thuê thực hiện trên các tàu bay tư nhân đã được Chính phủ Nga hoặc Chính phủ Việt Nam đăng ký.</li> </ul> </li> <li>- Theo thông báo của Cục Hàng không Việt Nam, các hãng hàng không (<b>Aeroflot Russian Airlines, Air Bridge Cargo Airlines, Siberia Airlines, Globus Airlines, Ural Airlines, Azur Air, Nordwind Airlines, Ikar Airlines và hãng hàng không khai thác thuê chuyên IrAero Airlines, Royal Flight Airlines</b>) đang khai thác đường bay tới Việt Nam. Công dân Nga là TVTB của các hãng nêu trên được miễn thị thực theo các quy định trên.</li> <li>- Trên cơ sở có đi có lại, kể từ ngày 01/5/2019, các thành viên tổ bay của các Hãng hàng không hai nước là công dân nước thứ ba được nhập xuất cảnh miễn thị thực, tạm trú và đi lại trên lãnh thổ nước đến (trừ những khu vực cấm hoặc hạn chế đi lại theo quy định của pháp luật của mỗi Bên) trong thời gian chờ khởi hành trở lại cùng với chuyến bay đến hoặc chuyến bay thường lệ tiếp theo.</li> </ul>

15	<b>Taiwan (China)</b>	MTT cho TVTB Hãng hàng không <b>China Airlines</b> từ ngày 01/3/2015. Các TVTB được tạm trú tại Việt Nam trong thời gian chờ khởi hành trở lại cùng với chuyến bay đến hoặc chuyến bay thường lệ tiếp theo. - Từ 05/12/2022, miễn thị thực cho thành viên tổ bay Starlux Airlines (Đài Loan).
16	<b>UAE</b>	MTT cho TVTB (bao gồm TVTB là công dân nước thứ ba) của Emirates Airlines từ ngày 20/6/2012.
17	<b>United States of America</b>	- MTT cho TVTB của <b>Continental Airlines</b> từ ngày 15/12/2011 - MTT cho TVTB của <b>Delta Airlines</b> từ ngày 30/01/2010. - MTT cho TVTB của <b>Northwest Airlines</b> từ ngày 01/6/2009 (đã sát nhập với <b>Delta Airlines</b> từ ngày 30/01/2010). - MTT cho TVTB của <b>Federal Express Corporation (FedEx)</b> từ ngày 01/06/2009. - MTT cho TVTB của <b>United Airlines</b> từ ngày 10/12/2004.
18	<b>Uzbekistan</b>	- MTT cho TVTB của <b>Uzbekistan Airways</b> từ ngày 20/01/2004
19	<b>Switzerland</b>	-MTT cho TVTB hãng hàng không <b>Edelweiss Air AG</b> từ ngày 15/6/2018.

### Ghi chú:

- Khi nhập cảnh Việt Nam, thành viên tổ bay của các hãng hàng không được miễn thị thực cần xuất trình hộ chiếu quốc gia còn giá trị ít nhất 06 tháng, thẻ thành viên tổ bay còn giá trị và văn bản xác nhận của hãng hàng không nêu rõ nhiệm vụ của thành viên tổ bay trên các chuyến bay của hãng.

- Việt Nam đề nghị MTT cho TVTB của các hãng hàng không Mi-an-ma kể từ ngày 01/03/2010 nếu Mi-an-ma áp dụng quy chế miễn thị thực đối với thành viên tổ bay của Việt Nam Airlines (Hiện nay Mi-an-ma chưa có đường bay tới Việt Nam) nhưng chưa nhận được khẳng định của phía Mi-an-ma.

- MTT cho thành viên tổ bay mang quốc tịch nước thứ ba của hãng hàng không Xinh-ga-po nếu phía Xinh-ga-po áp dụng quy chế tương tự với các hãng hàng không Việt Nam nhưng chưa nhận được khẳng định của phía Xinh-ga-po.

### III. MIỄN THỊ THỰC ĐƠN PHƯƠNG

#### 1. Việt Nam miễn thị thực đơn phương cho công dân các nước

A. Công dân các nước liệt kê tại danh sách dưới đây được miễn thị thực khi nhập cảnh Việt Nam với thời hạn cư trú không quá 45 ngày, nếu đáp ứng các điều kiện:

+ Có hộ chiếu hợp lệ do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó là công dân cấp và hộ chiếu còn giá trị ít nhất 06 tháng kể từ ngày nhập cảnh;

+ Không thuộc trường hợp chưa cho nhập cảnh.

T T	Nước	Cơ sở	Ghi chú
1	Nga	- Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 07/3/2025 của Chính phủ về miễn thị thực đơn phương cho công dân 12 nước. Thời hạn áp dụng từ 15/3/2025 đến hết ngày <u>14/3/2028</u> .	Người mang hộ chiếu British National Oversea (BNO) không thuộc diện được miễn thị thực theo Nghị quyết này.
2	Nhật Bản		
3	Hàn Quốc		
4	Đan Mạch		
5	Na Uy		
6	Phần Lan		
7	Thụy Điển		
8	Anh		
9	Pháp		
10	Đức		
11	Tây Ban Nha		
12	I-ta-li-a		

B. Công dân 12 nước: **Bỉ, Bulgaria, Croatia, Séc, Hungary, Luxembourg, Hà Lan, Ba Lan, Romania, Slovakia, Slovenia và Thụy Sĩ** được miễn thị thực nhập cảnh với thời hạn tạm trú 45 ngày kể từ ngày nhập cảnh với mục đích du lịch, không phân biệt loại hộ chiếu, trên cơ sở đáp ứng đầy đủ các điều kiện nhập cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam, bao gồm:

- Có hộ chiếu còn thời hạn sử dụng ít nhất 06 tháng;

- Không thuộc trường hợp chưa cho nhập cảnh theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

Cơ sở: Nghị quyết số 229/NQ-CP ngày 08/8/2025 của Chính phủ về việc miễn thị thực theo Chương trình kích cầu phát triển du lịch cho công dân 12 nước nêu trên. Thời hạn áp dụng từ ngày 15/8/2025 đến hết ngày 14/8/2028.

C. Quan chức, viên chức **Ban Thư ký ASEAN** được miễn thị thực Việt Nam với thời hạn tạm trú không quá 30 ngày, không phân biệt họ mang hộ chiếu gì.

**D. Miễn thị thực cho người nước ngoài đến Phú Quốc:**

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (Quyết định số 229/2005/QĐ-TTg ngày 16/9/2005). Theo Quy chế này, người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại đảo Phú Quốc được miễn thị thực với thời gian tạm trú không quá 15 ngày, trường hợp người nước ngoài vào một cửa khẩu quốc tế của Việt Nam, lưu lại khu vực quá cảnh ở cửa khẩu đó, rồi chuyên tiếp đi đảo Phú Quốc cũng được miễn thị thực.

Ngày 27/12/2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 80/2013/QĐ-TTg, có hiệu lực từ 10/3/2014, ban hành một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Theo đó, về xuất nhập cảnh, thời gian miễn thị thực cho người nước ngoài được nâng lên 30 ngày, áp dụng với cả trường hợp lưu tại khu vực quá cảnh ở một cửa khẩu quốc tế của Việt Nam (kể cả đường hàng không và đường biển), rồi đi tiếp đến đảo Phú Quốc.